TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 6 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Quốc Phòng và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phan Thị B, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn*: ông Nguyễn Sơn T, sinh năm 1984; nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt. Bị đơn không có mặt do trước đó đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phan Thị B trình bày:

Bà và ông Nguyễn Sơn T kết hôn vào ngày 06/11/2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở xã T, huyện B, cuộc sống vợ chồng từ những năm đầu đã không hạnh phúc do ông T đi làm về thường hay rượu chè say sưa rồi gây gỗ đánh đập vợ con. Cho đến ngày 15/7/2015 ông T bỏ nhà đi, khi đi ông T không cho bà biết là đi đâu và làm gì. Sau đó, bà đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Sau khi ông T bỏ nhà đi, bà đã cố gắng tìm kiếm nhưng vẫn hoàn toàn không có tin tức, địa chỉ gì của ông T. Năm 2022, bà đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết việc dân sự tuyên bố ông T mất tích. Ngày

04/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã ban hành Quyết định số: 04/2023/QĐST - VDS tuyên bố ông Nguyễn Sơn T mất tích. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 01 con chung tên là Nguyễn Thái Nhật L, sinh ngày 29/6/2009. Kể từ ngày ông T bỏ đi cho đến nay, con sống cùng bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông T đóng góp tiền nuôi con với bà.

Về tài sản chung của vợ chồng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án số 30/2023/TB - TLVA ngày 21/4/2023; Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST - HNGĐ và Giấy triệu tập phiên tòa số 19/GTT-TA ngày 11/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ và Giấy triệu tập phiên tòa số 08/GTT-TA ngày 29/5/2023 nhằm đảm bảo quyền được biết việc Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn và quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án của ông Nguyễn Sơn T. Tuy nhiên, cho đến ngày xét xử (15/6/2023) đều không có tin tức phản hồi từ phía ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phan Thị B, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"; ông T có nơi cư trú là thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình trước khi mất tích, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Nguyễn Sơn T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, tuy nhiên, để bảo đảm quyền được biết việc giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và quyền được tham gia tố tụng của ông T, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Bà Phan Thị B và ông Nguyễn Sơn T đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2008 tại UBND xã T hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo trình bày của bà B thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc ngay sau khi kết hôn dẫn đến ngày 15/7/2015 ông T bỏ nhà đi không có tin tức gì cho đến nay. Sau đó, theo yêu cầu của bà B, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã giải quyết và ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2023/QĐST - VDS ngày 04/4/2023 về việc "Tuyên bố một người mất tích" đối với ông T. Xét mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên, Hội đồng xét xử thấy rằng: ông T mất tích đã lâu, đời sống chung vợ

chồng ông bà không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự xử cho bà B ly hôn ông T là phù hợp.

Về con chung: Theo lời khai của bà B và Giấy khai sinh số 205, quyển số 02/2009 ngày 06/7/2009 của UBND xã T cho thấy, bà B và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Thái Nhật L, sinh ngày 29/6/2009. Kể từ khi ông T bỏ đi cho đến nay con sống cùng với bà B. Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng với bà. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Thái Nhật L đang sinh sống cùng với bà B, ông T đã mất tích và cháu Lcó nguyện vọng sống cùng với bà B, nên nguyện vọng của bà B là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao bà Phan Thị B trực tiếp nuôi con Nguyễn Thái Nhật L là phù hợp. Bà B không yêu cầu ông T đóng góp tiền nuôi con, do đó, không buộc ông T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với bà B.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Phan Thị B không yêu cầu giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Bà Phan Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị B, xử cho bà Phan Thị B được ly hôn ông Nguyễn Sơn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao bà Phan Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thái Nhật L, sinh ngày 29/6/2009. Ông Nguyễn Sơn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng bà Phan Thị B.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Bà Phan Thị B phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào

số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0002731 ngày 21 tháng 4 năm 2023. Bà B đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã T
(Giấy CN kết hôn số: 85 ngày 06/11/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Diệu